

Số: 35/NQ-HĐND

Kbang, ngày 14 tháng 11 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình
mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ KBANG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ NĂM**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 83/2015/QH13 ngày 25 tháng 6 năm 2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước số 56/2024/QH15 ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Nghị quyết số 1664/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XV về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Gia Lai năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia;

Căn cứ Nghị quyết số 17/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 cho các xã, phường trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 15 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững năm 2025 cho các xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 50/NQ-HĐND ngày 27 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc điều chỉnh, bổ sung kinh phí sự nghiệp thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Gia Lai;

Căn cứ Nghị quyết số 26/NQ-HĐND ngày 18 tháng 9 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về Quyết định phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang;

Căn cứ Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã Kbang về Quyết định điều chỉnh, phân bổ dự toán kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang;

Xét Tờ trình số 136/TTr-UBND ngày 10 tháng 11 năm 2025 của Ủy ban nhân dân xã về việc điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 xã Kbang; Báo cáo thẩm tra số 29/BC-BKTNS ngày 11 tháng năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân xã và ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân xã khóa I tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện các Chương trình mục tiêu quốc gia năm 2025 trên địa bàn xã Kbang, như sau:

1. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với tổng số tiền là 3.525,898 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): 632 triệu đồng, gồm:

+ Dự án 1- Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán với kinh phí điều chỉnh giảm 132 triệu đồng;

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị với kinh phí điều chỉnh giảm 500 triệu đồng;

- Điều chỉnh tăng (+): 632 triệu đồng, gồm:

+ Dự án 4: Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi với kinh phí điều chỉnh tăng số tiền: 500 triệu đồng;

+ Dự án 5 - Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số với kinh phí điều chỉnh tăng: 132 triệu đồng;

(Chi tiết phụ lục 01 kèm theo)

2. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững với tổng số tiền là 1.460,0 triệu đồng. Trong đó:

- Điều chỉnh giảm (-): 151 triệu đồng, gồm:

+ Dự án 3 - Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp với kinh phí điều chỉnh giảm 117 triệu đồng;

+ Dự án 7 - Tiểu dự án 1: : Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình với kinh phí điều chỉnh giảm 34 triệu đồng.

- Điều chỉnh tăng (+):

+ Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo với kinh phí điều chỉnh tăng 151 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 02 kèm theo)

3. Điều chỉnh kinh phí sự nghiệp thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới:

- Kinh phí trước điều chỉnh: 220,036 triệu đồng (NSTW: 210,036 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

- Kinh phí sau điều chỉnh: 270 triệu đồng. (NSTW: 260 triệu đồng; Ngân sách xã: 10 triệu đồng)

Điều chỉnh tăng (+) nội dung thành phần số 06; nội dung thành phần số 11 với số tiền: 49,964 triệu đồng (NSTW), gồm:

+ Nội dung thành phần số 06 - Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng với kinh phí điều chỉnh tăng 30 triệu đồng.

+ Nội dung thành phần số 11 - Nội dung 04 : Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng nông thôn mới; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng nông thôn mới với kinh phí điều chỉnh tăng 19,964 triệu đồng.

(Chi tiết phụ lục 03 kèm theo)

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân xã tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này, định kỳ báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Kbang Kỳ họp thứ Năm (kỳ họp chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 11 năm 2025 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Tổ đại biểu số 7 HĐND tỉnh;
- Sở Nông nghiệp và Môi trường;
- Thường trực Đảng ủy xã;
- Ủy ban nhân dân xã;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam xã;
- Tổ đại biểu HĐND, Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan đơn vị xã;
- Trưởng các thôn, làng trên địa bàn xã;
- Trang thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT, VP. ✓

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thanh Dũng

PHỤ LỤC 01
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI
VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873									3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)					-632,000	-632,000			632,000	632,000						
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	272,000	272,000			-132,000	-132,000							140,000	140,000		
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000											140,000	140,000		
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000			-132,000	-132,000						0	0			
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000							1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
2.1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000							1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000					500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
3.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chỉnh sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000					500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	477,000	0	0	477,000					132,000	132,000			609,000	132,000		477,000
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0	0	477,000					132,000	132,000			609,000	132,000		477,000

PHỤ LỤC 01

ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIẾU SỐ VÀ MIỀN NÚI NĂM 2025 TRÊN ĐỊA BÀN XÃ KBANG

(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

DVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	3.525,898	2.875,088	25,937	624,873									3.525,898	2.875,088	25,937	624,873
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)					-632,000	-632,000			632,000	632,000						
1	Dự án 1: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở, đất sản xuất, nước sinh hoạt	272,000	272,000			-132,000	-132,000							140,000	140,000		
1.1	Nội dung 3: Hỗ trợ chuyển đổi nghề	140,000	140,000											140,000	140,000		
1.2	Nội dung 4: Hỗ trợ nước sinh hoạt phân tán	132,000	132,000			-132,000	-132,000							0	0		
2	Dự án 3: Phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp bền vững, phát huy tiềm năng, thế mạnh của các vùng miền để sản xuất hàng hóa theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000							1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
2.1	Tiểu dự án 2 - Nội dung 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất theo chuỗi giá trị	2.274,898	2.171,088	25,937	77,873	-500,000	-500,000							1.774,898	1.671,088	25,937	77,873
3	Dự án 4: Đầu tư cơ sở hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000					500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
3.1	Tiểu dự án 1 - Nội dung 1: Đầu tư chính sách hạ tầng thiết yếu, phục vụ sản xuất, đời sống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi	502,000	432,000	0	70,000					500,000	500,000			1.002,000	932,000		70,000
4	Dự án 5: Phát triển giáo dục đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực	477,000	0	0	477,000					132,000	132,000			609,000	132,000		477,000
4.1	Tiểu dự án 1: Đổi mới hoạt động, củng cố phát triển các trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông dân tộc bán trú, trường phổ thông có học sinh ở bán trú và xóa mù chữ cho người dân vùng đồng bào dân tộc thiểu số	477,000	0	0	477,000					132,000	132,000			609,000	132,000		477,000

PHỤ LỤC 03
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI NĂM 2025 XÃ KBANG
 (Kèm theo Nghị quyết số 35 /NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)
 ĐVT: triệu đồng

TT	Nội dung	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)			Dự toán điều chỉnh tăng (+)			Dự toán sau điều chỉnh năm 2025 theo Nghị quyết số 50/NQ-HĐND tỉnh ngày 27/10/2025			Trong đó:						Ghi chú
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Kinh phí đã thực hiện đến ngày 30/6/2025			Kinh phí còn lại phân bổ cuối năm 2025			
											Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp xã	
A	B	(1)=(2)+(3)	(4)	(5)	(6)=(7)+(8)	(9)	(10)	(11)=(12)+(13)	(14)=(15)+(16)	(17)=(18)+(19)	(20)=(11)+(12)	(21)	(22)	(23)=(14)+(15)	(24)	(25)	
	TỔNG SỐ	220,036	210,036	10,000	49,964	49,964	0,000	270,000	260,000	10,000	49,964	49,964		220,036	210,036	10,000	
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)	220,036	210,036	10,000	49,964	49,964		270,000	260,000	10,000	49,964	49,964		220,036	210,036	10,000	
1	Nội dung thành phần số 06: Nâng cao chất lượng đời sống văn hóa của người dân nông thôn; bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống theo hướng bền vững gắn với phát triển du lịch nông thôn	90,000	90,000		30,000	30,000		120,000	120,000		30,000	30,000		90,000	90,000		
1.1	Nội dung 01: Nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao cơ sở; tăng cường nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa, thể thao nông thôn, gắn với các tổ chức cộng đồng	90,000	90,000		30,000	30,000		120,000	120,000		30,000	30,000		90,000	90,000		
2	Nội dung thành phần số 7 :Nâng cao chất lượng môi trường	80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000	
2.1	Nội dung số 5: Hỗ trợ thực hiện mô hình thôn, xóm sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn tại các thôn làng	80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000				80,000	70,000	10,000	(Điều chỉnh mới số nội dung Nghị quyết số 50/NQ-HĐND tỉnh ngày 27/10/2025)
3	Nội dung thành phần số 11: Tăng cường công tác giám sát, đánh giá thực hiện Chương trình nâng cao năng lực xây dựng Nông thôn mới; truyền thông về xây dựng Nông thôn mới; thực hiện Phong trào thi đua cả nước chung sức xây dựng Nông thôn mới	50,036	50,036		19,964	19,964		70,000	70,000		19,964	19,964		50,036	50,036		
3.1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình; xây dựng hệ thống giám sát, đánh giá đồng bộ, toàn diện đáp ứng yêu cầu quản lý Chương trình	35,000	35,000					35,000	35,000					35,000	35,000		
3.2	Nội dung 04: Đẩy mạnh, đa dạng hình thức thông tin, truyền thông nhằm nâng cao nhận thức, chuyển đổi tư duy của cán bộ, người dân về xây dựng NTM; thực hiện có hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng Nông thôn mới	15,036	15,036		19,964	19,964		35,000	35,000		19,964	19,964		15,036	15,036		

PHỤ LỤC 02
ĐIỀU CHỈNH KINH PHÍ SỰ NGHIỆP THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG NĂM 2025 XÃ KBANG
(Kèm theo Nghị quyết số 35/NQ-HĐND ngày 14 tháng 11 năm 2025 của Hội đồng nhân dân xã)

ĐVT: triệu đồng

TT	Danh mục Dự án	Dự toán phân bổ năm 2025 (Nghị quyết 26/NQ-HĐND ngày 17/9/2025 và Nghị quyết 29/NQ-HĐND ngày 20/10/2025)				Dự toán điều chỉnh giảm (-)				Dự toán điều chỉnh tăng (+)				Dự toán năm 2025 sau điều chỉnh			
		Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã	Tổng cộng	Ngân sách trung ương	Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách cấp xã
	TỔNG SỐ	1.460,0	1.276,0		184,0	-151,0	-151,0			151,0	151,0			1.460,0	1.276,0		184,0
	TỔNG SỐ ĐIỀU CHỈNH TĂNG (+) GIẢM (-)					-151,0				151,0	151,0			0,0			
1	Dự án 2: Đa dạng hoá sinh kế, phát triển mô hình giảm nghèo	851,0	773,0		78,0					151,0	151,0			1.002,0	924,0		78,0
2	Dự án 3: Hỗ trợ phát triển sản xuất, cải thiện dinh dưỡng	210,0	191,0		19,0	-117,0	-117,0							93,0	74,0		19,0
2.1	Tiểu dự án 1: Hỗ trợ phát triển sản xuất trong lĩnh vực nông nghiệp	210,0	191,0		19,0	-117,0	-117,0							93,0	74,0		19,0
3	Dự án 4: Phát triển giáo dục nghề nghiệp, việc làm bền vững	230,0	156,0		74,0									230,0	156,0		74,0
3.1	Tiểu dự án 1: Phát triển giáo dục nghề nghiệp vùng nghèo, vùng khó khăn	200,0	151,0		49,0									200,0	151,0		49,0
3.2	Tiểu dự án 3: Hỗ trợ việc làm bền vững	30,0	5,0		25,0									30,0	5,0		25,0
4	Dự án 7: Nâng cao năng lực và giám sát, đánh giá Chương trình	169,0	156,0		13,0	-34,0	-34,0							135,0	122,0		13,0
4.1	Tiểu dự án 1: Nâng cao năng lực thực hiện Chương trình	94,0	87,0		7,0	-34,0	-34,0							60,0	53,0		7,0
4.2	Tiểu dự án 2: Giám sát, đánh giá	75,0	69,0		6,0									75,0	69,0		6,0